TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:24/2024/DS-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2024
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuần;
- Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Lê Thanh Miện
2- Ông Nguyễn Ngọc Trứ
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đông- Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023. Về việc "Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXX -DS ngày 13/03/2024; Quyết định hoãn phiên tòa 31/2024/QĐST-HPT ngày 25/03/2024.

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch- Sinh năm 1957 (Có mặt)

Cư trú: Số nhà 88, đường Lý Thường Kiệt, TDP Trung Đ, thị trấn Th, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Đặng Văn N- Sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: thôn Khánh, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Ng- Sinh năm 1990 (Có đơn xin vắng mặt)

Cư trú: thôn Khánh, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 23/10/2024; Bản tự khai; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Gia đình bà buôn bán thức ăn chăn nuôi gia súc, bà và vợ chồng anh N có mối quan hệ quen biết, từ năm 2010 đến năm 2017, anh N có đến cửa hàng gia đình bà để mua thức ăn chăn nuôi, mua nhiều lần, có lần thanh toán trả Ngy, có lần thì chịu. Các lần mà anh N chịu lại tiền thức ăn chăn nuôi thì bà đều ghi sổ sách theo dõi. Anh N có ký nhận. Đến ngày 23/7/2022 bà và anh N chốt nợ với nhau thì anh N còn nợ lại bà số tiền 1.152.262.000 đồng. Sau đó, bà đã nhiều lần đòi vợ chồng anh N tiền nợ cám, nhưng đến nay vợ chồng anh N vẫn chưa trả cho bà. Nay bà yêu cầu

anh N và vợ là chị Ng thanh toán trả bà số tiền 1.152.262.000 đồng; Bà không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn ông Đặng Văn N tại biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2023; Biên bản hòa giải ngày 05/3/2024 và tại phiên tòa trình bày:

Vợ chồng anh và gia đình bà Nguyễn Thị Ch có mối quan hệ quen biết. Gia đình bà Ch bán thức ăn chăn nuôi nên gia đình anh có mua cám của gia đình bà Nguyễn Thị Ch về để chăn nuôi từ năm 2010 gia đình anh có mua nhiều lần, có lần bà thanh toán, có lần chưa thành toán. Đến ngày 23/7/2022 thì anh với bà Ch có chốt nợ với nhau, anh còn nợ bà Ch số tiền 1.152.262.000 đồng. Giấy biên bản xác nhận nợ do nguyên đơn bà Ch cung cấp anh Thừa nhận là đúng chữ ký của anh. Bà Ch đã nhiều lần đòi tiền nợ cám, nhưng vợ chồng anh chưa trả được.

Nay bà Ch yêu cầu vợ chồng anh phải trả số tiền 1.152.262.000 đồng thì vợ chồng anh đồng ý trả, nhưng anh xin được trả dần do chăn nuôi thua lỗ, lợn bị dịch chết, kinh tế hiện tại gia đình khó khăn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ng tại biên bản ghi lời khai ngày 05/12/2023 trình bày:

Chị là vợ của anh Đặng Văn N, chị thừa nhận vợ chồng anh chị có mua thức ăn chăn nuôi của bà Nguyễn Thị Ch là đúng và tính đến ngày 23/7/2022 thì anh N chồng chị với bà Ch có chốt nợ với nhau, vợ chồng chị còn nợ bà Ch số tiền 1.152.262.000 đồng. Nay bà Ch yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền trên thì vợ chồng chị đồng ý nhưng chị xin được trả dần.

Do điều kiện công việc chị đi làm, chị có đơn đề nghị xin được vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình;

Áp dụng khoan 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; đề nghị HĐXX xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị Ch số tiền nợ gốc 1.152.262.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

- Về án phí: Anh N chị Ng phải liên đới chịu 46.567.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng:

Người có quyền lợi và ngĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ có đơn xin vắng mặt khi xét xử là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau, nên Tòa án lập biên bản hòa giải không thành là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp: Tòa án đã tống đạt hợp lệ phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ Tòa án đã tiến hành phiên họp công khai chứng cứ vắng mặt đương sự đối với chị Nguyễn Thị Ng có đơn xin vắng mặt là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị Ng phải trả số tiền còn nợ mua cám chăn nuôi số tiền còn nợ là gốc là 1.152.262.000 đồng. Các bên khi mua bán hàng hóa, tuy không làm hợp đồng mua bán, nhưng có thỏa thuận với nhau về việc mua bán và đã chốt nợ với nhau đối với số tiền còn nợ. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết, nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Tính từ thời điểm vác bên chốt nợ với nhau, ngày 22/7/2022, do vậy thời hiệu khởi kiện vẫn đảm bảo theo quy đình của Bộ luật dân sự, Các đương sự không ai có ý kiến xem xét về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị Ng phải trả số tiền mua cám còn nợ là gốc là 1.152.262.000 đồng

HĐXX thấy rằng: Qua các lời khai của đương sự nguyên đơn; bị đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ thể hiện giữa các bên có chốt nợ với nhau tiền mua cám, số tiền mua cám còn nợ tính đến ngày 22/7/2022 nợ tiền gốc là 1.152.262.000 đồng là có thật.

Bị đơn anh N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ng thừa nhận có chốt nợ và còn nợ số tiền 1.152.262.000 đồng, việc mia cám là để chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình, nguyên đơn bà Ch khởi kiện, vợ chồng anh N; chị Ng đồng ý trả, nhưng xin trả dần.

Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà Ch yêu cầu bị đơn anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị Ng phải trả liên đới trả số tiền còn nợ mua cám còn nợ 1.152.262.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Về tiền lãi; Do các bên đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5]- Về án phí: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị đơn anh N và chị Ng phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được của bà Ch được chấp nhận. Do vậy nguyên đơn bà Ch không phải chịu tiền án phí.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán,Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, Điều 431, Điều 434, Điều 440; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ các Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch.

Buộc anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị Ng có trách nhiệm liên đới trả bà Nguyễn Thị Ch số tiền nợ gốc 1.152.262.000 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng).

2. Về án phí: Anh Đặng Văn N và chị Nguyễn Thị Ng phải liên đới chịu 46.567.000 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần